Ảnh hưởng của nhận thức về tác động tích cực của du lịch đến ý định tham gia du lịch biển của cộng đồng địa phương tỉnh Bình Thuận: Vai trò của thái độ

The influence of perception of positive tourism impacts on the intention of local communities to participate in marine tourism in Binh Thuan Province: The role of attitudes

Trương Thị Thu Lành[1*], Lê Chí Công[2], Hồ Thị Hương Lan[3]

[1]Trường Đại học Tài chính - Marketing, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
[2]Trường Đại học Nha Trang, Thành phố Nha Trang, Việt Nam
[3]Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế, Thành phố Huế, Việt Nam
[*]Tác giả liên hệ, Email: tttlanh.dl23@hueuni.edu.vn

THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.econ.vi.20.10.4508.2025

Ngày nhận: 23/06/2025

Ngày nhận lại: 12/07/2025

Duyệt đăng: 31/07/2025

Mã phân loại JEL:

Z30; Z32, Z33

Từ khóa:

cộng đồng địa phương; du lịch biển; nhận thức tác động tích cực của du lịch; thái độ; ý định tham gia

Keywords:

local communities; marine tourism; perceptions of positive tourism impacts; attitudes; intention to participate

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu là xem xét mối quan hệ giữa nhận thức về tác động tích cực của du lịch và ý định tham gia du lịch biển thông qua vai trò trung gian của thái độ. Nghiên cứu áp dụng PLS-SEM với mẫu gồm 427 Cộng Đồng Địa Phương (CĐĐP) ven biển Bình Thuận. Kết quả cho thấy ba thành tố của nhận thức về tác động tích cực của du lịch (môi trường, kinh tế, văn hóa xã hội) tác động đến thái độ, từ đó gia tăng ý định tham gia du lịch biển của CĐĐP. Trong đó, nhận thức về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh môi trường có tác động đến thái độ là lớn nhất; thái độ là biến trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức và ý định. Nghiên cứu đưa ra các thảo luận, đề xuất hàm ý quản trị đối với chính quyền địa phương, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức của CĐĐP về tác động tích cực của du lịch, từ đó gia tăng ý định tham gia du lịch biển tại Bình Thuận.

ABSTRACT

The objective of the study was to examine the relationship between perceptions of positive tourism impacts and participation intentions, mediated by attitudes. Study on the application of PLS-SEM with a sample of 427 local communities along the coast of Binh Thuan. The results show that the three components of perceptions of positive tourism impact (environmental, economic, and socio-cultural) affect attitudes, thereby increasing the intention of communities to participate in marine tourism. In particular, the perception of positive environmental tourism impacts has the most significant effect on attitudes. Specifically, attitude is a mediating variable in the relationship between perceptions and intention. In addition, the study discusses and proposes governance implications for local authorities, state management in tourism, and businesses to enhance local communities' perceptions of the positive impact of tourism, thereby increasing the community's intention to participate in marine tourism in Binh Thuan.

1. Giới thiệu

Sự tham gia của CĐĐP là điều kiện tiên quyết để phát triển điểm đến du lịch thành công (Ranasinghe & Pradeepamali, 2019). Nên chủ đề về sự tham gia của CĐĐP trong du lịch luôn được các học giả quan tâm. Trong số đó, có học giả đã chỉ ra rằng nhận thức về tác động du lịch của CĐĐP, cùng với lợi ích cá nhân nhận được đã dự đoán đáng kể sự hỗ trợ của họ đối với phát triển du lịch tại điểm đến (Alsaloum & ctg., 2024; Boonsiritomachai & Phonthanukitithaworn, 2019; Dragouni & Fouseki, 2018; Jaafar & ctg., 2017; Lee & Jee, 2011; Setiyorini & ctg., 2019). Bên cạnh đó, cũng có nhiều nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ tuyến tính trực tiếp giữa thái độ của CĐĐP và sự ủng hộ của họ đối với phát triển du lịch nhưng khá ít công trình đo lường về mặt ý định hành vi (Erul & Woosnam, 2022). Ý định hành vi của một cá nhân là yếu tố chính quyết định hành vi thực tế (Ajzen, 1991; Erul & Woosnam, 2022). Việc xác định nhận thức về tác động du lịch, thái độ và ý định tham gia của CĐĐP là điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch hướng đến bền vững (Wong & ctg., 2022).

Tỉnh Bình Thuận có bờ biển dài hơn 192km, với thế mạnh về du lich biển nên theo định hướng phát triển du lịch tỉnh đến năm 2030 đã xác định phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là một trụ cột phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận (Tỉnh Ủy Bình Thuận, 2021). Tuy nhiên, hiện nay tỉnh chưa có sự gắn kết giữa phát triển du lịch và sự tham gia của CĐĐP ở khu vực ven biển. CĐĐP đã tham gia du lịch một cách tự phát, manh mún. Tỉnh cũng chưa có chính sách hỗ trợ, hướng dẫn CĐĐP tham gia hiệu quả vào phát triển du lịch biển tại địa phương.

Thực tế cho thấy rằng sự phát triển du lịch tại địa phương đã tác động đáng kể đến CĐĐP ở nhiều khía cạnh khác nhau như kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Vì vậy, CĐĐP sẽ hành động, ứng xử theo nhiều cách khác nhau đối với du lịch dựa trên thái độ và nhận thức của họ. Các hành động, ứng xử của CĐĐP đối với du lịch có thể là tích cực hoặc tiêu cực, nhưng chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hình ảnh điểm đến, sự hài lòng của du khách (Gnanapala & Karunathilaka, 2016). Vì vậy, có thể thấy thái độ của CĐĐP rất quan trọng trong việc tăng nhận thức và tăng ý định tham gia của CĐĐP, nên sự hiểu biết thái độ và nhận thức về tác động du lịch sẽ là những kiến thức có giá trị đối với các nhà hoạch định chính sách phát triển du lịch đưa ra các chính sách phù hợp để gia tăng sự tham gia của CĐĐP vào phát triển du lịch (Hsu & ctg., 2019). Nghiên cứu này thảo luận 03 khía cạnh của nhận thức về tác động tích cực của du lịch là nhận thức về tác động tích cực của du lịch về môi trường (PEn), nhận thức về tác động tích cực của du lịch về kinh tế (PEc) và nhận thức về tác động tích cực của du lịch về văn hóa xã hội (PSC). Các nghiên cứu trước đây cho thấy nhận thức về tác động tích cực của du lịch về 03 khía cạnh trên làm gia tăng thái độ của CĐĐP đối với sự hỗ trợ du lịch (Andriotis, 2004; Le & ctg., 2018; Nian & ctg., 2019; Renda & ctg., 2014). Do đó nghiên cứu này kỳ vọng 03 khía cạnh của nhận thức về tác động du lịch gồm PEn, PEc và PSC sẽ gia tăng thái độ ủng hộ của CĐĐP đối với sự tham gia du lịch biển (ATT), từ đó làm gia tăng ý định tham gia du lịch biển của CĐĐP (INTEN). Vì vậy, một mô hình tác động từ nhận thức đến thái độ và cuối cùng đến ý định được thiết lập, kỳ vọng mang lại ý nghĩa nghiên cứu với bối cảnh du lịch biển tại Bình Thuận.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Một số khái niệm liên quan

2.1.1. Nhận thức về tác động tích cực của du lịch

Nhận thức về tác động tích cực của du lịch là nhận thức của CĐĐP bị ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp bởi tác động tích cực về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường của sự phát triển

du lịch tại khu vực của họ (Alim, 2019). Về kinh tế như sự gia tăng việc làm, đầu tư và các doanh nghiệp địa phương có lợi nhuận (Garau-Vadell & ctg., 2014), cải thiện mức sống (Stylidis & ctg., 2014), tạo ra các hiệu ứng như đa dạng kinh tế, việc làm và doanh thu thuế (Marzuki, 2012). Về văn hóa xã hội như thúc đẩy trao đổi văn hóa và cung cấp các cơ hội giải trí (Stylidis & ctg., 2014), phục hồi nghề thủ công địa phương, bảo tồn văn hóa địa phương hoặc lợi ích từ sự tương tác văn hóa giữa cư dân và khách du lịch (Garau-Vadell & ctg., 2018), cải thiện chất lượng cuộc sống, tăng các lựa chọn giải trí và cải thiện hình ảnh điểm đến (Charag & ctg., 2021). Về môi trường như tạo ra nhận thức lớn hơn đối với việc bảo tồn môi trường và tập hợp sự ủng hộ cho việc bảo tồn môi trường (Charag & ctg., 2021); cải thiện diện mạo của khu vực và tăng cường bảo vệ thiên nhiên (Stylidis & ctg., 2014); sự đánh giá cao hơn về mặt bảo tồn môi trường (Garau-Vadell & ctg., 2018).

2.1.2. Thái độ

Thái độ đối với hành vi được xem là mức độ đánh giá tích cực hay tiêu cực của một cá nhân đối với việc thực hiện hành vi đó (Ajzen, 2005).Thái độ đối với hành vi hỗ trợ du lịch được đo lường bằng các phản hồi sự ủng hộ hoặc phản đối của họ đối với việc phát triển du lịch và mức độ phát triển trong khu vực (Gursoy & ctg., 2002), sự ủng hộ, sự hợp tác (Hsu & ctg., 2019), sự không thỏa mãn/thỏa mãn; không hài lòng/hài lòng; không thích/thích; tiêu cực/tích cực; vô ích/hữu ích; không có lợi/có lợi (Le & ctg., 2017).

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Thái độ đối với PTLD đã tác động tích cực đến ý định tham gia của CĐĐP (Hsu & ctg., 2019; Nian & ctg., 2019; Wu & Chen, 2018). Ngoài ra ý định ủng hộ du lịch cũng được dự báo bởi thái độ của CĐĐP (Erul & Woosnam, 2022; Wong & ctg., 2022). CĐĐP thể hiện thái độ hướng tới môi trường khi họ cảm thấy rằng việc triển khai du lịch sinh thái là khả thi, có khả năng khiến họ tăng cường ý định hành vi tham gia du lịch (Lee & Jan, 2018). Ý định ủng hộ du lịch của CĐĐP đã chỉ ra rằng thái độ của các thành viên CĐĐP là một yếu tố dự báo hợp lệ về ý định ủng hộ du lịch của họ (Erul & ctg., 2023; Porras-Bueno, 2024).Vì vậy, tác giả đề xuất lý thuyết nghiên cứu sau:

H1: Thái độ của CĐĐP ảnh hưởng thuận chiều đến ý định tham gia du lịch của họ vào phát triển du lịch biển

Những người có ý thức cao (ủng hộ ôn hòa hoặc nhiệt tình) là những người đánh giá tác động tích cực của phát triển du lịch đối với kinh tế, văn hóa - xã hội và môi trường (Del Chiappa & ctg., 2018). Về khía cạnh văn hóa xã hội, thái độ của CĐĐP đối với phát triển du lịch bị ảnh hưởng bởi tác động tích cực về văn hóa xã hội (Bartis & Madlwabinga, 2020). Nhận thức lợi ích về môi trường và xã hội tác động đến thái độ của CĐĐP đối với phát triển du lịch bền vững (Choi & Sirakaya, 2005). Lợi ích kinh tế CĐĐP cảm nhận là yếu tố ảnh hưởng đến thái độ của CĐĐP đối với việc hỗ trợ phát triển du lịch bền vững tại bối cảnh đảo (Hsu & ctg., 2019), nhận thức lợi ích mang lại của CĐĐP về kinh tế là yếu tố chính ảnh hưởng đến thái độ của họ đối với phát triển du lịch. San Martín Gutiérrez và cộng sự (2018) thì chỉ ra rằng nhận thức về tác động tích cực của du lịch về kinh tế và văn hóa xã hội có tác động tích cực đến thái độ nhưng nhận thức về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh môi trường không ảnh hưởng đến thái độ của CĐĐP (San Martín Gutiérrez & ctg., 2018). Có thể lý giải rằng ở bối cảnh nghiên cứu là Tây Ban Nha - địa điểm du lịch biển nổi tiếng, lâu đời ở Châu Âu. Và điều tạo nên sự thu hút chính du khách đến với Tây Ban Nha là tiếp xúc, tận hưởng với thiên nhiên, nên CĐĐP coi trọng tác động tiêu cực từ du lịch mà xem nhẹ tác động tích cực của du lịch với môi trường khi hình thành thái độ. Nghiên cứu tại đảo Hải Nam (Trung Quốc) của Wong và cộng sự (2022) cho thấy, CĐĐP có thái độ tích cực đối với phát triển du lịch khi nhận thức được tác động tích

cực của du lịch đến môi trường. Tuy nhiên, không có mối quan hệ đáng kể giữa nhận thức về tác động tích cực của du lịch đối với kinh tế và văn hóa - xã hội với thái độ của họ. Điều này có thể do CĐĐP tin rằng du lịch giúp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và thúc đẩy sự hài hòa với thiên nhiên, trong khi họ lại muốn giữ gìn lối sống, di sản và văn hóa truyền thống, nên ít bị ảnh hưởng bởi các yếu tố văn hóa - xã hội. Đồng thời, họ có thể cho rằng lợi ích kinh tế từ du lịch không được chia sẻ công bằng. Với bối cảnh du lịch biển tỉnh Bình Thuận, khi du lịch xuất hiện đã làm thay đổi kinh tế địa phương, hình ảnh điểm đến, đời sống của CĐĐP ven biển nên tác giả kỳ vọng giả thuyết như sau:

H2: Nhận thức của CĐĐP (về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh môi trường) ảnh hưởng thuận chiều đến thái độ của họ đối với việc tham gia vào phát triển du lịch biển

H3: Nhận thức của CĐĐP (về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh kinh tế) ảnh hưởng thuận chiều đến thái độ của họ đối với việc tham gia vào phát triển du lịch biển

H4: Nhận thức của CĐĐP (về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh văn hóa xã hội) ảnh hưởng thuận chiều đến thái độ của họ đối với việc tham gia vào phát triển du lịch biển

Nhiều nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng nhận thức tích cực về du lịch ảnh hưởng đến thái độ của CĐĐP, và thái độ này có vai trò then chốt trong việc hình thành ý định hành vi của họ. Điều đó cho thấy, mối quan hệ giữa nhận thức tác động tích cực du lịch và ý định tham gia không phải lúc nào cũng tuyến tính, và nó có thể bị chi phối bởi các yếu tố khác có thể được thể hiện thông qua các biến trung gian. Wong và cộng sự (2022) đã chỉ ra rằng thái độ đối với phát triển du lịch có tác động đến ý định tham gia và nhận thức tác động du lịch tích cực về môi trường và văn hóa tác động đến thái độ của CĐĐP (Wong & ctg., 2022). Ngoài ra, Lee và Jan (2018) đã chỉ ra tác động trung gian đáng kể của thái độ trong mối quan hệ giữa nhận thức tác động tích cực chung của phát triển du lịch và ý định tham gia du lịch sinh thái đã được kiểm tra và được ủng hộ (Lee & Jan, 2018). Vì vậy, tác giả kỳ vọng giả thuyết nghiên cứu sau:

H2a: Thái độ giữ vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức của CĐĐP (về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh môi trường) và ý định tham gia

H3a: Thái độ giữ vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức của CĐĐP (về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh kinh tế) và ý định tham gia

H4a: Thái độ giữ vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa nhận thức của CĐĐP (về tác động tích cực của du lịch ở khía cạnh văn hóa xã hội) và ý định tham gia

Mô hình nghiên cứu về mối liên hệ giữa nhận thức tác động tích cực du lịch và ý định tham gia của CĐĐP được đề xuất như sau:

Hình 1

Mô Hình Nghiên Cứu Đề Xuất

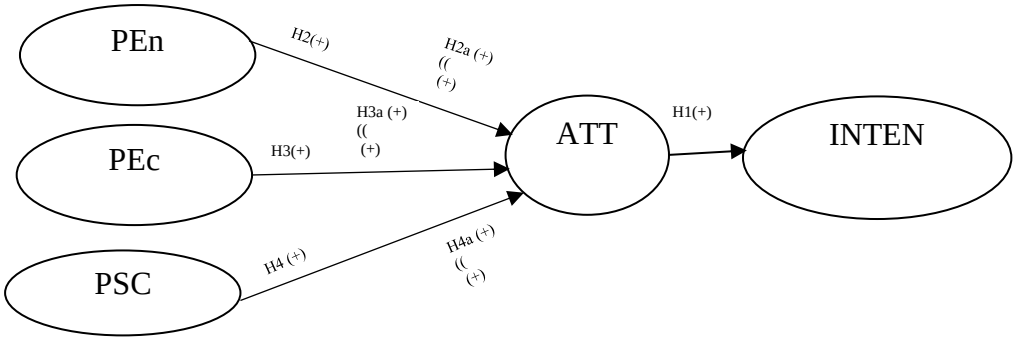

Ghi chú: Tác giả (2025)

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập dữ liệu

*** Xây dựng thang đo**

Thang đo PEn (05 biến quan sát) được tham khảo từ nghiên cứu (Han & ctg., 2023; Le & ctg., 2018; Wu & Chen, 2018). PSC (04 biến quan sát) được tham khảo từ nghiên cứu (Bartis & Madlwabinga, 2020; Han & ctg., 2023; Wu & Chen, 2018). PEc (05 biến quan sát) được tham khảo từ nghiên cứu (Bartis & Madlwabinga, 2020; Han & ctg., 2023; Le & ctg., 2018; Sulaiman & ctg., 2018; Wong & ctg., 2022). ATT (03 biến quan sát) dựa vào nghiên cứu (Ajzen, 1991; Choi & Sirakaya, 2005; Le & ctg., 2018). INTEN (04 biến quan sát) dựa vào nghiên cứu của (Ajzen, 1991; Erul & Woosnam, 2022; Le & ctg., 2018) được hình thành sau khi tổng hợp từ các nghiên cứu trước và tiến hành tham thảo 05 ý kiến chuyên gia là giảng viên du lịch là Tiến sĩ và thảo luận nhóm 6 CĐĐP tại Bình Thuận (chi tiết các mục đo lường ở Bảng 1).

Sau khi thang đo được thành, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát sơ bộ để tránh lỗi thường gặp như lỗi câu chữ, từ ngữ chuyên môn gây khó hiểu cho đối tượng khảo sát. Kết quả thu được từ khảo sát sơ bộ sẽ được đánh giá sơ bộ về độ tin cậy với chỉ số Cronbach's Alpha của các khái niệm đạt yêu cầu (đều > 0.8), các chỉ số và đánh giá sơ bộ tính hợp lệ của thang đo thông qua phân tích nhân tố khám phá (EFA), các khái niệm đạt yêu cầu về phân tích nhân tố khám phá (EFA). Sau đó, các biến quan sát điều chỉnh câu chữ thích hợp để khảo sát chính thức.

***Mẫu nghiên cứu**

Đánh giá sơ bộ được thu thập ở 50 CĐĐP ở Bình Thuận.

Thu thập dữ liệu chính thức được thực hiện với phương pháp chọn mẫu phi xác suất với kỹ thuật chọn mẫu có chủ đích và chọn mẫu thuận tiện. Tức là phương pháp chọn mẫu thuận tiện có phân loại là CĐĐP tại khu vực ven biển và có tham gia du lịch để đảm bảo cơ cấu mẫu được phân bổ một cách hợp lý theo các địa phương điểm đến lựa chọn trong nghiên cứu này. Dựa trên thống kê dân số trung bình năm 2023 thì Thành phố Phan Thiết có 232,082 người, huyện đảo Phú Quý 27,882 người thì 452 bản hỏi được phân bổ theo địa phương là tại huyện đảo Phú Quý 65 mẫu, phường Mũi Né 120 mẫu, phường Hàm Tiến 215 mẫu, phường Phú Hài 52 mẫu.

Số mẫu được phân bố ở những điểm phát triển du lịch biển tại Bình Thuận. Thời gian thu thập từ ngày 15 tháng 02 năm 2025 đến ngày 30 tháng 04 năm 2025. Việc tiến hành khảo sát được thực hiện bởi tác giả kết hợp cùng với 09 sinh viên và 02 cựu sinh viên là CĐĐP tại Bình Thuận. Sau 2.5 tháng thu về được 435 trong đó có 427 phiếu khảo sát có thể sử dụng cho phân tích, đạt tỷ lệ 94.46%.

3.2. Phương pháp xử lý dữ liệu

Sau khi thu thập mẫu, nhập dữ liệu, làm sạch dữ liệu, loại bỏ mẫu không đạt yêu cầu và tiến hành phân tích thống kê mô tả được thực hiện bởi phần mềm SPSS 27.

Sau đó, dựa vào phần mềm Smart PLS phiên bản 4.1.0.9 để đánh giá mô hình đo lường và mô hình cấu trúc.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Bảng 1

Đặc Điểm Mẫu Nghiên Cứu

Nội dung	Tần số	Tần suất	Nội dung	Tần số	Tần suất
Giới tính			**Độ tuổi**		
Nam	173	40.5	Từ 18 - 35 tuổi	213	49.9
Nữ	251	58.8	Từ 36 - 55 tuổi	155	36.3
Khác	3	0.7	Từ 55 - 75 tuổi	59	13.8
Thu nhập			**Trình độ học vấn**		
Dưới 05 triệu/tháng	99	23.2	Dưới trung học phổ thông	87	20.4
Từ 05 - 10 triệu/tháng	200	46.8	Trung học phổ thông	114	26.7
Từ 11 - 20 triệu/tháng	89	20.8	Trung cấp, cao đẳng	71	16.6
Trên 20 triệu/tháng	39	9.1	Đại học	141	33.0
			Sau đại học	14	3.3
Thời gian sống tại Bình Thuận			**Tham gia hoạt động du lịch**		
Dưới 05 năm	24	5.6	Cung cấp chỗ ở cho du khách	68	15.9
Từ 05 - 10 năm	39	9.1	Cung cấp sản phẩm từ nông nghiệp hoặc khai thác hải sản có phục vụ du lịch	84	19.7
Trên 10 năm	364	85.2	Cung cấp phương tiện đi lại, dịch vụ bổ sung cho du khách	49	11.5
			Vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan môi trường biển	67	15.7
			Cung cấp tour, sản phẩm ăn uống, đồ lưu niệm cho du khách	59	13.8
			Làm việc liên quan đến du lịch	100	23.4

Ghi chú: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

Đặc điểm mẫu cho thấy có sự chênh lệch nhưng không nhiều giữa nam và nữ; độ tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất từ 18 - 35 tuổi; thu nhập chiếm tỷ lệ cao nhất là 05 - 10 triệu; trình độ học vấn từ trung học phổ thông chiếp cao nhất và đối tượng đáp viên có tham gia các hoạt động du lịch biển khác nhau trong đó tham gia làm việc liên quan đến du lịch chiếm tỷ lệ cao nhất.

4.2. Phân tích ảnh hưởng của nhận thức về tác động du lịch đến thái độ và ý định tham gia của CĐĐP vào phát triển du lịch biển

4.2.1. Đánh giá độ tin cậy và độ giá trị của thang đo

Bảng 2 cho thấy các giá trị hệ số tải đều lớn hơn 0.7, các hệ số Cronbach's Alpha, độ tin cậy tổng hợp đều lớn hơn 0.7 và giá trị AVE của các biến số đều lớn hơn 0.5, cho thấy rằng các thang đo lường là đáng tin cậy và đáp ứng yêu cầu về tính hội tụ (Nguyen & Vu, 2020).

Bảng 2

Độ Tin Cậy và Giá Trị Hội Tụ

Khái niệm và thang đo	Hệ số tải (out loadings)	Cronbach's Alpha	Composite reliability (rho_a)	Composite reliability (rho_c)	AVE
ATT: Khi tham gia du lịch biển tôi thấy		0.774	0.774	0.869	0.689
Không thích/thích	0.826				
Tiêu cực/tích cực	0.844				
Không thỏa mãn/thỏa mãn	0.820				
INTEN: ...ý định tham gia của CĐĐP vào du lịch biển là		0.829	0.833	0.886	0.661
Có dự định tham gia	0.802				
Mong đợi được tham gia	0.832				
Có kế hoạch tham gia	0.821				
Mong muốn được tham gia	0.797				
PEc: ...khi phát triển du lịch, các tác động tích cực tới kinh tế có thể là		0.779	0.781	0.849	0.530
Tăng thu nhập của cá nhân, gia đình	0.731				
Tạo cơ hội việc làm cho CĐĐP	0.700				
Tăng doanh thu thuế/ngân sách cho địa phương	0.725				
Thu hút nhiều nhà đầu tư vào ngành du lịch tại địa phương	0.764				
Tăng cơ hội kinh doanh cho CĐĐP	0.719				
PEn:...khi phát triển du lịch, các tác động tích cực tới môi trường có thể là		0.821	0.821	0.862	0.556
Gia tăng không gian công cộng cho CĐĐP	0.714				
Thúc đẩy ý thức/hành động bảo vệ môi trường tại địa phương	0.747				
Tăng sự bảo tồn cảnh quan biển như bờ biển, cồn cát, ...	0.726				

Khái niệm và thang đo	Hệ số tải (out loadings)	Cronbach's Alpha	Composite reliability (rho_a)	Composite reliability (rho_c)	AVE
Làm cho môi trường biển sạch sẽ	0.706				
Tăng cường các biện pháp bảo vệ bờ biển trước sự xâm thực của nước biển	0.830				
PSC:...khi phát triển du lịch, các tác động tích cực tới văn hóa xã hội có thể là		0.735	0.735	0.833	0.556
Tăng cường cơ sở hạ tầng, hoạt động giải trí ở địa phương	0.775				
Tăng kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tiếng Anh	0.714				
Duy trì thói quen tốt của CĐĐP	0.733				
Gìn giữ làng nghề truyền thống, ẩm thực, lễ hội, phong tục của địa phương	0.759				

Ghi chú: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

Nghiên cứu này sử dụng ma trận HTMT để đánh giá giá trị phân biệt của các khái niệm đo lường nhằm tăng độ chính xác thay vì tiêu chí Fornell - Larcker và Cross - Loadings như đề xuất của Hair và cộng sự (2019). Kết quả cho thấy sự tương quan giữa các khái niệm trong ma trận HTMT đều nhỏ hơn 0.85 (Hair & ctg., 2019). Vì vậy, nghiên cứu này kết luận rằng các khái niệm nghiên cứu đạt được giá trị phân biệt.

Bảng 3

Ma Trận HTMT

	ATT	INTEN	PEc	PEn	PSC
ATT					
INTEN	0.604				
PEc	0.790	0.581			
PEn	0.849	0.492	0.684		
PSC	0.833	0.595	0.845	0.689	

Ghi chú: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

Bảng 4 cho thấy các giá trị VIF đều nhỏ hơn 3, cho thấy rằng không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến và điều này chứng tỏ không có ảnh hưởng đến ước lượng kết quả thông qua giá trị VIF của các cấu trúc biến số.

Bằng cách sử dụng 5,000 mẫu trong thủ tục bootstrap để kiểm định giả thuyết và tăng độ tin cậy của kết quả kiểm định. Kết quả cho thấy khoảng giá trị bootstrap đều dương và không có giá trị 0, hệ số đường dẫn có ý nghĩa ở mức 0.05 điều này biểu hiện mối quan hệ tích cực

của các khái niệm. T statistics đều lớn hơn 1.96 và P - value nhỏ hơn 0.01 nên các mối quan hệ trong mô hình có ý nghĩa.Vì vậy, tất cả các giả thuyết đều có ý nghĩa thống kê và kết quả ước lượng của chúng là đáng tin cậy.

4.2.2. Đánh giá tác động trực tiếp

Kết quả kiểm định giả thuyết cho thấy, tất cả các giả thuyết về nhận thức tác động tích cực của du lịch đến thái độ của CĐĐP và thái độ đến ý định tham gia (H2, H3, H4 và H1) đều có ảnh hưởng trực tiếp, có ý nghĩa thống kê và được ủng hộ. Cụ thể PEn ảnh hưởng đến ATT (H2: $\beta = 0.424$; $p < 0.001$), PEc tác động đến ATT (H3: $\beta = 0.213$; $p < 0.001$), PSC tác động đến ATT (H4: $\beta = 0.267$; $p < 0.001$) và ATT tác động đến INTEN (H1: $\beta = 0.488$; $p < 0.001$). Như vậy, có sự tác động cùng chiều của PEn, PEc, PSC đến ATT và ATT có sự tác động cùng chiều đến INTEN.

4.2.3. Đánh giá tác động trung gian

Các giả thuyết các động trung gian của ATT trong mối quan hệ giữa PEn, PEc, PSC và INTEN là các giả thuyết H2a, H3a và H4a đều có tác động cùng chiều, có ý nghĩa thống kê và được ủng hộ. Cụ thể PEc -> ATT -> INTEN (H3a: $\beta = 0.104$; $p < 0.001$), PEn -> ATT -> INTEN (H2a: $\beta = 0.207$; $p < 0.001$), và PSC -> ATT -> INTEN (H4a: $\beta = 0.130$; $p < 0.001$). Như vậy, ATT có vai trò trung gian cùng chiều trong mối quan hệ giữa PEn, PEc, PSC và INTEN. Điều này cho thấy khi PEn, PEc, PSC tăng sẽ làm cho ATT, từ đó sẽ làm tăng INTEN của CĐĐP.

Bảng 4

Kết Quả Ước Lượng Mô Hình Cấu Trúc

Đường dẫn	**Giả thuyết**	**β**	**T statistics**	**Bootstrap**	**VIF**	**Kết luận**
Tác động trực tiếp						
ATT -> INTEN	H1	0.488*	7.786	[0.352 ; 0.598]	1.000	Ủng hộ
PEc -> ATT	H3	0.213*	4.689	[0.122 ; 0.301]	1.887	Ủng hộ
PEn -> ATT	H2	0.424*	11.365	[0.348 ; 0.495]	1.547	Ủng hộ
PSC -> ATT	H4	0.267*	5.282	[0.172 ; 0.369]	1.838	Ủng hộ
Tác động trung gian						
PEc -> ATT -> INTEN	H3a	0.104*	3.828	[0.057 ; 0.161]	n/a	Ủng hộ
PEn -> ATT -> INTEN	H2a	0.207*	6.774	[0.149 ; 0.269]	n/a	Ủng hộ
PSC -> ATT -> INTEN	H4a	0.130*	3.900	[0.072 ; 0.204]	n/a	Ủng hộ
Độ lớn tác động f^2	(f^2): ATT -> INTEN = 0.313					
	(f^2): PEc -> ATT = 0.059					
	(f^2): PEn -> ATT = 0.283					
	(f^2): PSC -> ATT = 0.095					

Ghi chú: *p < 0.001; n/a: không có giá trị. Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

Hình 2

Kết Quả Ước Lượng Mô Hình Cấu Trúc

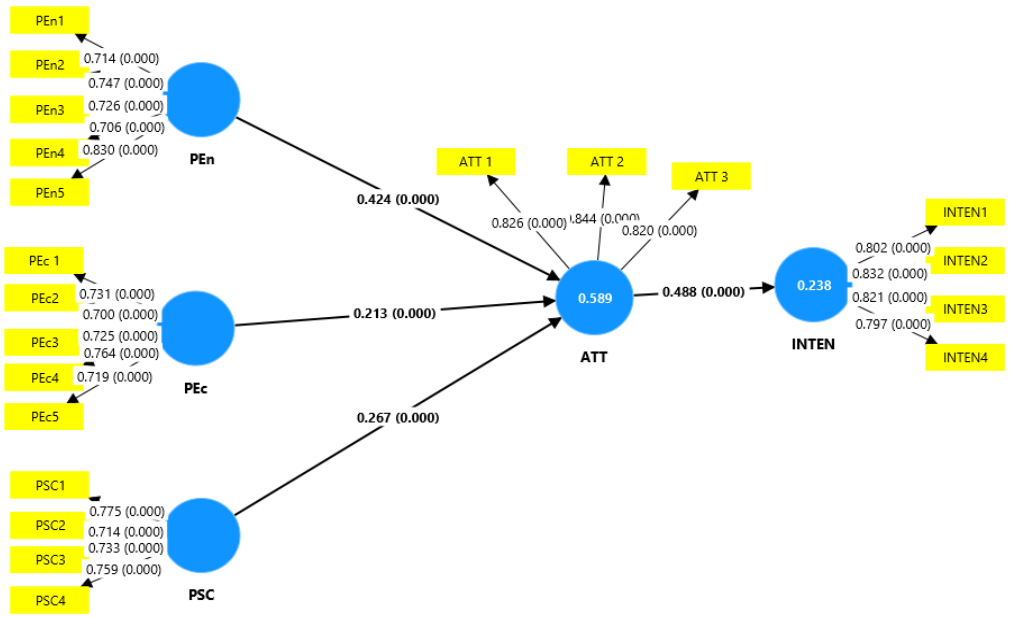

Ghi chú: Nghiên cứu của tác giả (2025)

Giá trị f^2 được sử dụng để đánh giá mức độ tác động của biến độc lập đến biến phụ thuộc. Kết quả các giá trị đều lớn hơn 0, cho thấy tất cả các biến độc lập đều có tác động đến biến phụ thuộc (Hair & ctg., 2019). Cụ thể là PEc, PSC tác động đến ATT là tác động nhỏ. PEn tác động đến ATT, ATT đến INTEN có mức tác động trung bình.

ATT có sức mạnh giải thích là 58.9% (R^2 =0.589) của mô hình với biến số phụ thuộc là PEc, PSC, PEn. INTEN có sức mạnh giải thích là 23.8% (R^2 =0.238) của mô hình với biến số phụ thuộc là ATT.

Bảng 5

Kết Quả Sức Mạnh Giải Thích

	R-square	R-square adjusted
ATT	0.589	0.586
INTEN	0.238	0.236

Ghi chú: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

Sức mạnh dự báo của mô hình (Q^2) được kiểm tra với blindfolding cho thấy các giá trị Q^2 của ATT là 0.396 và INTEN là 0.270 - mức độ chính xác dự báo ở mức trung bình. Điều đó cho thấy cả 02 biến đều có năng lực dự báo. Trong đó mô hình cấu trúc thành phần của ATTcó dự báo cao hơn so với mô hình cấu trúc thành phần của INTEN.

Bảng 6

Kết Quả Sức Mạnh Dự Báo Của Mô Hình

	SSO	SSE	Q^2 (=1-SSE/SSO)
ATT	1,281.000	773.761	0.396
INTEN	1,708.000	1,448.688	0.152

Ghi chú: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

Bên cạnh đó ở Bảng 7 cho thấy tất cả các giá trị Q^2 predict đều lớn hơn 0 cho thấy rằng sai số của sự báo kỹ thuật PLS tốt hơn kỹ thuật dự báo thô đánh giá. Ngoài ra phần lớn sai số ước lượng ở giá trị PLS-SEM_RMSE nhỏ hơn PLS-SEM_RMSE, cho thấy mô hình có mức dự báo trung bình.

Bảng 7

Kết Quả Kiểm Định Sức Mạnh Dự Báo bằng Thủ Tục PLSpredict

	Q^2predict	**PLS-SEM_RMSE**	**LM_RMSE**
ATT 1	0.402	0.751	0.765
ATT 2	0.388	0.774	0.787
ATT 3	0.401	0.770	0.738
INTEN1	0.163	0.912	0.921
INTEN2	0.163	0.840	0.847
INTEN3	0.178	0.852	0.847
INTEN4	0.122	0.861	0.862

Ghi chú: Tổng hợp kết quả nghiên cứu (2025)

5. Thảo luận và hàm ý

5.1. Thảo luận và hàm ý lý thuyết

Nghiên cứu này đã xem xét 03 khía cạnh nhận thức của CĐĐP về tác động tích cực của du lịch là PEc, PSC, PEn (Andriotis, 2004; Le & ctg., 2018; San Martín Gutiérrez & ctg., 2018; Wong & ctg., 2022; Yoopetch, 2022) tác động đến INTEN thông qua biến ATT tại bối cảnh du lịch tỉnh Bình Thuận. Kết quả nghiên cứu cho thấy 07 giả thuyết đều được ủng hộ: PEc, PSC, PEn có ảnh hưởng có ý nghĩa đến ATT, từ đó gia tăng INTEN. Ngoài ra, ATT giữ vai trò trung gian trong mối quan hệ của PEc, PSC, PEn và INTEN. Vì vậy, nghiên cứu này đóng góp lý thuyết vai trò của PEc, PSC, PEn đến INTEN. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng nêu lên vai trò trung gian của ATT trong mối quan hệ của PEc, PSC, PEn và INTEN trong bối cảnh du lich biển, góp phần gia tăng sự tham gia hiệu quả của CĐĐP vào du lịch biển Bình Thuận.

ATT tác động đến INTEN: Nhiều nghiên cứu cho thấy mức độ quan tâm của CĐĐP đến việc tham gia du lịch sinh thái - thể hiện qua sự sẵn sàng, khả năng và mong muốn tham gia (Lee & Jan, 2018) - có ảnh hưởng tích cực đến sự hỗ trợ phát triển du lịch bền vững (Wong & ctg., 2022), thúc đẩy ý định tham gia, kỳ vọng được tham gia và hình thành kế hoạch cụ thể (Le & ctg., 2018). Đồng thời gia tăng mức độ ủng hộ du lịch bền vững trong cộng đồng (Yoopetch, 2022). Do đó, kết quả nghiên cứu này tiếp tục khẳng định vai trò của thái độ đối với ý định hành vi, phù hợp với các kết luận của các nghiên cứu trước.

PEn tác động đến ATT tương đồng với một số nghiên cứu như khi CĐĐP nhận thức phát triển du lịch sẽ cung cấp động lực để bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tác động thái độ của CĐĐP đối với phát triển du lịch (Andriotis, 2004), phát triển du lịch làm tăng sự hòa hợp giữa CĐĐP và môi trường tự nhiên, tăng nhận thức về bảo vệ môi trường tự nhiên đã tác động thái độ của CĐĐP đối với phát triển du lịch (Wong & ctg., 2022), sự xuất hiện của du lịch làm cho môi trường biển, đảo sạch hơn ảnh hưởng tích cực đến thái độ đối với hành vi tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững biển (Le & ctg., 2018).Nhưng kết quả nghiên cứu trên trái ngược với nghiên cứu của San Martín Gutiérrez và cộng sự (2018) chỉ ra PEn không có tác

động đến thái độ của họ đối với phát triển du lịch (San Martín Gutiérrez & ctg., 2018), vì CĐĐP chỉ quan tâm đến giảm tác động tiêu cực nhằm thu hút du khách đến với những điểm có lợi thế về tài nguyên tự nhiên như du lịch biển ở Tây Ban Nha. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu này khẳng định vai trò của PEn trong việc hình thành ATT trong bối cảnh nghiên cứu tại Bình Thuận. Vì Bình Thuận ngoài bãi biển, bãi tắm, đồi cát, không gian ven biển phục vụ du lịch thì khu vực ven biển cũng bị ảnh hưởng khá nhiều bởi sạt lở bờ biển, sa mạc hóa và đặc biệt là hiện tượng xâm thực bờ biển đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, tài sản của CĐĐP ven biển. Vì vậy, khi có sự xuất hiện của du lịch đã thay đổi về cảnh quan, hình ảnh của địa phương. Từ đó, CĐĐP hình thành thái độ ủng hộ sự tham gia du lịch biển.

PEc tác động đến ATT được thể hiện qua các nghiên cứu là phát triển du lịch làm tăng cường đầu tư và tinh thần khởi nghiệp (Renda & ctg., 2014), tăng thu nhập (Barat, 2023; Sharma & Dyer, 2009), tạo nhiều cơ hội việc làm cho CĐĐP (Andriotis, 2004; Lee & Jan, 2018; Nian & ctg., 2019; Şahin & Akova, 2019), tạo môi trường kinh doanh cho CĐĐP (San Martín Gutiérrez & ctg., 2018), tạo ra nguồn thuế đáng kể cho địa phương (Choi & Sirakaya, 2005) đã tác động tích cực đến thái độ của CĐĐP đối với phát triển du lịch.Tuy nhiên, Wong và cộng sự (2022) chỉ ra rằng không có mối quan hệ nào giữa PEc và thái độ đối với phát triển du lịch của CĐĐP ở đảo Hải Nam (Trung Quốc) (Wong & ctg., 2022), vì họ nghĩ rằng lợi ích kinh tế từ du lịch đối tượng được nhận lợi ích chính là chính quyền và doanh nghiệp từ nơi khác đến kinh doanh. Dù vậy, kết quả nghiên cứu này khẳng định vai trò của PEc trong việc hình thành ATT trong bối cảnh nghiên cứu. Vì với CĐĐP ven biển Bình Thuận nguồn kinh tế, thu nhập của họ bị chi phối khá nhiều bởi hoạt động du lịch. Hoạt động du lịch làm cho họ có nhiều cơ hội về việc làm, tăng thu nhập hơn so với nghề truyền thống đi biển, làm nông nghiệp. Vì những lợi ích trên nên họ hình thành thái độ ủng hộ đối với sự tham gia du lịch biển.

Và PSC tác động trực tiếp và và có ý nghĩa đến ATT của CĐĐP được thể hiện qua các nghiên cứu như phát triển du lịch tăng cường cung cấp các hoạt động giải trí, phát triển kỹ năng ngôn ngữ, gia tăng cơ sở hạ tầng tại địa phương (Renda & ctg., 2014), khuyến khích phát triển các nghề thủ công, nghệ thuật, âm nhạc của CĐĐP (Andriotis, 2004), gia tăng sự bảo tồn văn hóa truyền thống địa phương (San Martín Gutiérrez & ctg., 2018), cung cấp nhiều dịch vụ xã hội hơn (Barat, 2023), giữ gìn nét văn hóa truyền thống của địa phương, duy trì thói quen tốt của CĐĐP (Le & ctg., 2018), từ đó tác động tích cực đến thái độ của CĐĐP đối với phát triển du lịch. Tuy nhiên, trái ngược với kết quả nghiên cứu của Wong và cộng sự (2022) cho rằng không có mối quan hệ tích cực nào giữa PSC và thái độ của CĐĐP ở đảo Hải Nam (Wong & ctg., 2022), vì CĐĐP nơi đây muốn gìn giữ những giá trị truyền thống không bị tác động bởi du lịch. Với bối cảnh nghiên cứu này thì PSC có sự tác động đến ATT. Khi phát triển du lịch biển tại địa phương thì những giá trị văn hóa của CĐĐP ven biển thuận tiện tiếp cận du khách như ẩm thực, nghề thủ công truyền thống, ... chính vì vậy, CĐĐP có nhiều cơ hội tiếp cận du khách, tham gia du lịch hơn. Bện cạnh đó, CĐĐP ý thức về việc bản tồn văn hóa, ngăn chặn tệ nạn xã hội ngày càng tăng lên. Từ đó, họ có thái độ ủng hộ sự tham gia du lịch. Do đó, các khía cạnh của nhận thức về tác động tích cực của du lịch có sự đóng góp khác nhau và việc hình thành thái độ, và có sự tương thích với các kết quả nghiên cứu trước đây. Điều đặc biệt là PEn có ảnh hưởng mạnh nhất đến ATT trong khi PEc có tác động yếu nhất. Vì vậy, nghiên cứu cho thấy PEn,PEc, PSC có vai trò khác nhau trong việc hình thành ATT.

Nghiên cứu cũng xem xét vai trò trung gian của ATT trong mối quan hệ giữa PEc, PSC, PEn và INTEN. CĐĐP nhận thấy những tác động tích cực từ du lịch ở các khía cạnh của đời sống, môi trường, kinh tế thì họ sẽ có thái độ ủng hộ sự tham gia, khi thái độ của họ ủng hộ sự sự tham gia thì dẫn đến ý định tham gia du lịch biển của CĐĐP sẽ tăng lên. Một số nghiên cứu chỉ ra rằng PEc, PSC, PEn đã tác động đáng kể đến ATT và ATT tác động đến INTEN của CĐĐP

(Le & ctg., 2018; San Martín Gutiérrez & ctg., 2018).Ngoài ra, Lee và Jan (2018) đã chỉ ra tác động trung gian đáng kể của ATT trong mối quan hệ giữa nhận thức tác động tích cực của phát triển du lịch và INTEN du lịch sinh thái đã được kiểm tra và được ủng hộ (Lee & Jan, 2018). Cùng với đó Wong và cộng sự (2022) cũng chỉ ra ATT có vai trò trung gian trong mối quan hệ PSC, PEn với INTEN của CĐĐP (Wong & ctg., 2022). Vì vậy, kết quả nghiên cứu tương đồng với kết quả các các nghiên cứu trước nhưng có tính mới đối với loại hình du lịch biển. Từ đó thấy được vai trò của thái độ trong việc dự báo ý định tham gia du lịch biển của CĐĐP.

5.2. Hàm ý quản trị

Dựa trên kết quả kiểm định các giả thuyết trong mô hình, nghiên cứu đưa ra một số hàm ý nhằm tăng cường thái độ tích cực và ý định tham gia của CĐĐP vào phát triển du lịch biển bền vững, thông qua việc nâng cao nhận thức của họ về những tác động tích cực của du lịch trên các khía cạnh môi trường, kinh tế và văn hóa - xã hội.

Một là, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và các đơn vị liên quan cần chú trọng đến việc tạo ra những tác động tích cực dễ nhận thấy đối với môi trường - yếu tố được chứng minh có ảnh hưởng rõ rệt đến thái độ của CĐĐP. Các giải pháp cụ thể bao gồm kiểm soát rác thải, khí thải và nước thải từ hoạt động du lịch; phát triển các mô hình du lịch sinh thái, xanh và sạch để cộng đồng thấy rõ lợi ích về mặt môi trường.

Hai là, trên phương diện kinh tế, cần đảm bảo cơ chế phân phối lợi ích công bằng từ hoạt động du lịch đến người dân địa phương. Chính quyền địa phương có thể xây dựng các chính sách hỗ trợ sinh kế, ưu tiên sử dụng lao động địa phương, cũng như tăng cường tiếng nói của CĐĐP trong việc hoạch định và giám sát các dự án du lịch. Điều này giúp củng cố niềm tin rằng họ thực sự là một phần trong quá trình phát triển.

Ba là, để khai thác tốt hơn yếu tố văn hóa - xã hội, cần thúc đẩy việc lồng ghép giá trị văn hóa bản địa vào sản phẩm du lịch theo hướng tôn trọng và bảo tồn. Các doanh nghiệp du lịch nên thiết kế sản phẩm phù hợp với đặc điểm, kỹ năng và mong muốn tham gia của CĐĐP, đồng thời triển khai các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực, và hỗ trợ họ tham gia sâu vào chuỗi giá trị du lịch.

Những giải pháp này không chỉ nâng cao nhận thức về lợi ích mà du lịch mang lại, mà còn góp phần định hình thái độ tích cực và thúc đẩy hành vi hỗ trợ du lịch bền vững từ phía cộng đồng - đúng như mối quan hệ đã được chứng minh trong nghiên cứu.

5.3. Hạn chế của nghiên cứu

Nghiên cứu đã chỉ ra được vai trò của nhận thức về tác động tích cực du lịch dưới góc độ môi trường, kinh tế và văn hóa xã hội đến thái độ và hình ý định tham gia vào phát triển du lịch biển của CĐĐP. Vai trò trung gian của thái độ cũng đã được chứng minh ở bối cảnh thực tế du lịch biển tại Bình Thuận. Nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế cần được xem xét trong các nghiên cứu tiếp theo. Thứ nhất, dữ liệu chỉ được thu thập từ 427 người dân địa phương ven biển tại Bình Thuận, do đó kết quả có thể chưa phản ánh đầy đủ các đặc điểm ở những điểm đến ven biển khác. Trong tương lai, cần mở rộng quy mô mẫu và khảo sát tại nhiều địa phương khác để kiểm chứng độ khái quát của mô hình. Thứ hai, nghiên cứu chỉ tập trung vào các yếu tố nhận thức tích cực, thái độ và ý định tham gia, mà chưa xem xét các yếu tố khác như nhận thức tiêu cực, chuẩn chủ quan, kiểm soát hành vi cảm nhận hay hành vi thực tế. Việc bổ sung các biến này trong nghiên cứu sau sẽ giúp hiểu rõ hơn các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tham gia của cộng đồng. Cuối cùng, nghiên cứu chưa phân tích vai trò điều tiết của các yếu tố nhân khẩu học. Do đó, hướng nghiên cứu tương lai có thể áp dụng phân tích đa nhóm (multi-group analysis) để làm rõ sự khác biệt về ý định tham gia giữa các nhóm cộng đồng khác nhau.

TUYÊN BỐ KHÔNG CÓ XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Các tác giả cam kết, tuyên bố không có bất kỳ xung đột lợi ích nào liên quan đến việc công bố bài báo này.

Tài liệu tham khảo

Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, *50*(2), 179-211.

Ajzen, I. (2005). *Attitudes, personality and behaviour*. Open University Press.

Alim, M. A. (2019). *Effects of residents' perceptions of tourism impact and community participation on the intention to support tourism development: Evidence from Bangladesh Swinburne*. https://figshare.swinburne.edu.au/articles/thesis/Effects_of_residents_perceptions_of_tourism_impact_and_community_participation_on_the_intention_to_support_tourism_development_evidence_from_Bangladesh/26280142?file=47643952

Alsaloum, M., Romagosa, F., & Alotaibi, S. (2024). Residents' perceptions of the benefits and costs of tourism development: A case study of Riyadh City (Saudi Arabia). *Tourism and Hospitality*, *5*(3), 753-781.

Andriotis, K. (2004). The perceived impact of tourism development by Cretan residents. *Tourism and Hospitality Planning & Development*, *1*(2), 123-144.

Barat, J. U. B. (2023). Engaging the local communities in developing cultural tourism projects in the Southern Tanzania Tourist Circuit: An exploratory study. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, *12*(1), 208-225. https://doi.org/10.46222/ajhtl.19770720.363

Bartis, H., & Madlwabinga, Z. (2020). Residents' perceptions of the socio-cultural impacts of tourism: A case study of the Tokyo sexwale community in Jeffrey's Bay, South Africa. *African Journal of Hospitality, Tourism and Leisure*, *9*(3), 232-245.

Boonsiritomachai, W., & Phonthanukitithaworn, C. (2019). Residents' support for sports events tourism development in Beach City: The role of community's participation and tourism impacts. *Sage Open*, *9*(2), Article 2158244019843417.

Charag, A. H., Fazili, A. I., & Bashir, I. (2021). Residents' perception towards tourism impacts in Kashmir. *International Journal of Tourism Cities*, *7*(3), 741-766.

Choi, H.-S. C., & Sirakaya, E. (2005). Measuring residents' attitude toward sustainable tourism: Development of sustainable tourism attitude scale. *Journal of Travel Research*, *43*(4), 380-394.

Del Chiappa, G., Atzeni, M., & Ghasemi, V. (2018). Community-based collaborative tourism planning in islands: A cluster analysis in the context of Costa Smeralda. *Journal of Destination Marketing & Management*, *8*, 41-48.

Dragouni, M., & Fouseki, K. (2018). Drivers of community participation in heritage tourism planning: An empirical investigation. *Journal of Heritage Tourism*, *13*(3), 237-256.

Erul, E., & Woosnam, K. M. (2022). Explaining residents' behavioral support for tourism through two theoretical frameworks [Article]. *Journal of Travel Research*, *61*(2), 362-377. https://doi.org/10.1177/0047287520987619

Erul, E., Uslu, A., Cinar, K., & Woosnam, K. M. (2023). Using a value-attitude-behaviour model to test residents' pro-tourism behaviour and involvement in tourism amidst the Covid-19 pandemic. *Current Issues in Tourism*, *26*(19), 3111-3124.

Garau-Vadell, J. B., Díaz-Armas, R., & Gutierrez-Taño, D. (2014). Residents' perceptions of tourism impacts on island destinations: A comparative analysis. *International Journal of Tourism Research*, *16*(6), 578-585.

Garau-Vadell, J. B., Gutierrez-Taño, D., & Diaz-Armas, R. (2018). Economic crisis and residents' perception of the impacts of tourism in mass tourism destinations. *Journal of Destination Marketing & Management*, *7*, 68-75.

Gnanapala, A. C., & Karunathilaka, T. P. (2016). Community perception on tourism development and its impacts: A study on Passikudha, Sri Lanka. *Tourism, Leisure and Global Change*, *3*, Article 164.

Gursoy, D., Jurowski, C., & Uysal, M. (2002). Resident attitudes: A structural modeling approach. *Annals of Tourism Research*, *29*(1), 79-105.

Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2019). *Multivariate data analysis* (8th ed.). Cengage Learning EMEA.

Han, S., Ramkissoon, H., You, E., & Kim, M. J. (2023). Support of residents for sustainable tourism development in nature-based destinations: Applying theories of social exchange and bottom-up spillover. *Journal of Outdoor Recreation and Tourism*, *43*, Article 100643. https://doi.org/10.1016/j.jort.2023.1crisi

Hsu, C.-Y., Chen, M.-Y., & Yang, S.-C. (2019). Residents' attitudes toward support for island sustainable tourism. *Sustainability*, *11*(18), Article 5051. https://doi.org/10.1080/10548408.2017.1357518

Jaafar, M., Rasoolimanesh, S. M., & Ismail, S. (2017). Perceived sociocultural impacts of tourism and community participation: A case study of Langkawi Island. *Tourism and Hospitality Research*, *17*(2), 123-134.

Le, C. C., Doan, T. N. K., Nguyen, N. V., Nguyen, T. T. H., Huynh, D. T. N., & Huynh, D. C. (2018). *Ảnh hưởng của cộng đồng địa phương đến phát triển bền vững du lịch biển - trường hợp các tỉnh duyên hải Nam Trung* Bộ [The influence of local communities on the sustainable development of marine tourism - the case of the South Central Coast provinces]. Nhà xuất bản Lao Động.

Le, C. C., Nguyen, N. V., & Nguyen, T. H. (2017). Nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức lợi ích, chất lượng cuộc sống đến thái độ và hành vi tham gia chương trình phát triển du lịch bền vững của cộng đồng địa phương tại duyên hải miền Trung [Research on the impact of perceived benefits and quality of life on attitudes and behaviours towards participating in sustainable tourism development programmes of local communities in the Central Coast]. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, *99*, 1-14.

Lee, G.-H., & Jee, B.-G. (2011). Relationship among level of performance of residents to tourism, perception of tourism effects, and intension of citizen participation. *The Journal of the Korea Contents Association*, *11*(2), 416-424.

Lee, T. H., & Jan, F.-H. (2018). Ecotourism behavior of nature-based tourists: An integrative framework. *Journal of Travel Research*, *57*(6), 792-810.

Marzuki, A. (2012). Local residents' perceptions towards economic impacts of tourism development in Phuket. *Tourism: An International Interdisciplinary Journal*, *60*(2), 199-212.

Nguyen, H. M., & Vu, T. H. (2020). *Giáo trình Phân tích dữ liệu: Áp dụng mô hình PLS- SEM [Data analysis textbook: Applying PLS- SEM model]*. NXB Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Nian, S., Zhang, J., Zhang, H., Zhang, J., Li, D., Wu, K., Chen, X., & Yang, L. (2019). Two sides of a coin: A crisis response perspective on tourist community participation in a post-disaster environment. *International Journal of Environmental Research and Public Health, 16*(12), Article 2073.

Porras-Bueno, N. (2024). Residents' pro-tourism attitudes, intentions, and behaviours: A meta-analysis. *European Journal of Tourism Research, 38,* 3811-3811. https://doi.org/10.54055/ejtr.v38i.3519.

Ranasinghe, R., & Pradeepamali, J. (2019). *Community empowerment and their support for tourism development: An inquiry based on resident empowerment through tourism scale*. https://doi.org/10.2139/ssrn.3506608

Renda, A. I., da Costa Mendes, J., & do Valle, P. O. (2014). The destination is where I live! Residents' perception of tourism impacts. *Journal of Tourism, Sustainability and Well-being*, *2*(1), 72-88.

Şahin, G., & Akova, O. (2019). Perception and attitudes of residents towards impacts of tourism: A research on environmentally sensitive region. *Anais Brasileiros de Estudos Turísticos*, *9*, 1-13.

San Martín Gutiérrez, H., García de los Salmones, M. D. M., & Herrero Crespo, A. (2018). Residents' attitudes and behavioural support for tourism in host communities. *Journal of Travel & Tourism Marketing*, *35*(2), 231-243.

Setiyorini, H. P. D., Andari, R., & Masunah, J. (2019). Analysing factors for community participation in tourism development. *Tourism and Hospitality Essentials Journal, 9*(1), 39-44.

Sharma, B., & Dyer, P. (2009). Residents' involvement in tourism and their perceptions of tourism impacts. *Benchmarking: An International Journal, 16*(3), 351-371.

Stylidis, D., Biran, A., Sit, J., & Szivas, E. M. (2014). Residents' support for tourism development: The role of residents' place image and perceived tourism impacts. *Tourism Management, 45,* 260-274. https://doi.org/10.1016/j.tourman.2014.05.006

Sulaiman, F. C., Jaini, N., Jamaluddin, E. R., & Hashim, N. I. (2018). The impact of marine tourism towards the local community at Pulau pangkor, Perak. *Asian Journal of Quality of Life*, *3*(13), 168-176.

Tỉnh Ủy Bình Thuận. (2021). *Số 06-NQ/TU, Nghị quyết của ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh (Khóa XIV) về phát triển du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* [Resolution of the Provincial Party Executive Committee (Term XIV) on tourism development to 2025, with a vision to 2030]. https://www.binhthuan.dcs.vn/Van-ban/post/7659/nghi-quyet-cua-ban-chap-hanh-dang-bo-tinh-khoa-xiv-ve-phat-trien-du-lich-den-nam-2025-dinh-huong-den-nam-2030

Wong, A. K. F., Wu, H., & Kim, S. (2022). Residents' perceptions of tourism influence and intention to support tourism development: Application of the theory of planned behavior. *Journal of China Tourism Research*, *18*(4), 710-734.

Wu, S.-T., & Chen, Y.-S. (2018). Local intentions to participate in ecotourism development in Taiwan's Atayal communities. *Journal of Tourism and Cultural Change, 16*(1), 75-96.

Yen, I.-Y., & Kerstetter, D. (2008). Residents' view of expected tourism impact, attitude, and behavioral intention. *Tourism Analysis*, *13*(5/6), 545-564.

Yoopetch, C. (2022). Sustainable cultural tourism and community development: The perspectives of residents' and the application of social exchange theory. *Journal of Urban Culture Research, 24*, 3-22.

©The Authors 2025. This is an open access publication under CC BY NC license.